TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoa

Ông Nguyễn Chung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 591/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T - Sinh năm: 1996

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Phát T - Sinh năm: 1996

Nơi cư trú: Thôn , xã N, thị xã N, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày: Bà và ông Nguyễn Quang Phát T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, có quan hệ với người phụ nữ khác, có khoảng thời gian không đi làm, không có trách nhiệm với gia đình. Giữa ông bà thường xuyên phát sinh cãi vã và ông T có sử dụng bạo lực với bà. Bà và ông T đã không sống

cùng nhau từ tháng 6/2021. Đến nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông Tuyền.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là: Nguyễn Thu N, sinh ngày 08/11/2016. Nếu Tòa giải quyết ly hôn cho bà và ông T bà xin được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thu N đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang Phát T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập, xác minh, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông T, nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai và ý kiến của ông Nguyễn Quang Phát T đối với các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh Nguyễn Thu N bản sao; xác nhận thông tin về cư trú; bản sao chứng minh nhân dân Trần Thị Thu T; bản phô tô sổ hộ khẩu; biên bản xác minh hộ khẩu thường trú của ông Nguyễn Quang Phát T; biên bản xác minh tình trạng hôn nhân.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Quang Phát T; về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung là Nguyễn Thu N, sinh ngày 08/11/2016. Bà Trâm xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Về

tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Quang Phát T, cư trú tại: thôn, xã N, thị xã N, tỉnh K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Quang Phát T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 13 tháng 02 năm 2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, có quan hệ với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình. Bà và ông T thường xuyên phát sinh cãi vã, ông T đã sử dụng bạo lực với bà. Bà và ông T đã không còn chung sống cùng nhau từ tháng 6/2021 cho đến nay. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu ly hôn với ông T. Bị đơn ông Nguyễn Quang Phát T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà T. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ, hòa thuận và bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận

[3] Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung là Nguyễn Thu N, sinh ngày 08/11/2016. Nay ly hôn, bà T xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu N là con gái, còn nhỏ và đang sinh sống ổn định cùng bà T vì vậy yêu cầu của bà T là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về yêu cầu cấp dưỡng: bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thu T xác định không có

tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn ông Nguyễn Quang Phát T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Thu N, sinh ngày 08/11/2016 cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thu T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Trâm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004252 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Trần Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Sơn (GCNKH số 09 ngày 13/02/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Trung